

MasterSeal® M 860

Màng chống thấm PU / PUA hai thành phần, có độ đàn hồi cao, thi công quét tay

MÔ TẢ

MasterSeal M 860 Là dạng chống thấm 2 thành phần dạng dẻo gốc polyurethane/ polyurea lai hóa, tự san phẳng, thi công quét tay.

ỨNG DỤNG

MasterSeal M 860 được sử dụng trong nhiều ứng dụng chống thấm như ban công, sân thượng, sàn nóc tầng hầm và sàn đậu xe. Sản phẩm cũng được sử dụng trong các ứng dụng sàn mái khi không có yêu cầu lớp phủ chống cháy.

ĐẶC ĐIỂM VÀ CÔNG DỤNG

- Nguyên khối - không chùng mép, mối hàn hoặc đường nối.
- Bám dính hoàn toàn vào bề mặt nền
- Tính chất cơ lý cao.
- Khả năng che phủ vết nứt
- Kháng xuyên thủng
- Chống được nước đọng
- Nhựa nhiệt rắn - không bị biến mềm ở nhiệt độ cao
- Giữ được tính đàn hồi ở nhiệt độ thấp; (T_g xấp xỉ -45°C)
- Có thể thi công lớp tiếp theo chỉ sau vài giờ

ĐÓNG GÓI

MasterSeal M 860 được đóng gói trong thùng 12kg và 30kg.

MÀU SẮC

MasterSeal M 860 có màu xám.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

(a) Chuẩn bị bề mặt:

Việc chuẩn bị vật liệu nền và sử dụng loại lớp lót thích hợp là điều rất quan trọng. Tất cả các bề mặt mà **MasterSeal M 860** được thi công lên trên đó phải sạch, khô và không có dầu hoặc mỡ, các vật liệu dễ bong và bất kỳ tạp chất nào khác có thể làm giảm độ bám dính.

Đối với việc xử lý bề mặt trước khi thi công lớp lót, xem tài liệu kỹ thuật của lớp lót.

Bê tông và lớp vữa xi măng

Bê tông và các bề mặt nền gốc xi măng khác phải có cường độ chịu kéo bề mặt tối thiểu là $1,5 \text{ N/mm}^2$. Bất kỳ lớp bụi xi măng nào có mặt trên bề mặt phải được loại bỏ bằng phương pháp cơ học. Nên sử dụng phương pháp máy bắn bi. Dầu tách khuôn và các tạp chất khác mà có thể làm giảm sự bám dính phải được loại bỏ trước khi quét lớp lót.

Bê tông nhựa đường

Trong ứng dụng cho sàn mái, bề mặt nhựa đường phải được làm sạch bằng máy phun nước áp lực cao. Trong các ứng dụng chịu tải cơ học, cường độ chịu tải của nhựa đường phải phù hợp với mục đích sử dụng và khi vệ sinh bề mặt phải phun cát sao cho ít nhất 60% cốt liệu bề mặt được phơi ra (chất lượng tối thiểu, ví dụ như AS-IC10). Chỗ phồng rộp được gia nhiệt và trải thảm lại, sử dụng băng keo chống bám dính trên nó.

Màng gốc nhựa đường

Những vết phồng cần được cắt rộng, để khô và sửa chữa. Các vết nứt lớn nên được khắc phục và dán bằng keo chống bám dính.

Cảnh báo: **MasterSeal M 860** không liên kết với màng nhựa đường bitum biến tính APP màu đen, không có chất liệu làm lớp lót để tương thích với nó.

Ván ép

Tất cả các khe nối phải được làm sạch và dán trước khi sơn lót. Tất cả các đinh nối phải được mài bằng hoặc đóng chìm thấp hơn bề mặt.

Sắt và thép

Nên phun cát để hoàn thiện theo tiêu chuẩn SA 2½ trước khi thi công lớp lót.

MasterSeal[®] M 860

Lớp lót

Vật liệu nền	Lớp lót
Màng nhựa đường	MasterTop P 698
Bê tông/ Lớp cán nền gốc xi măng	MasterTop P 617 or MasterTop P 650
Bê tông nhựa đường (mind. AS-IR10)	MasterSeal P 660 or MasterTop BC 375 N
Ván ép (khuyến cáo nên kiểm tra trước)	MasterSeal P 660 or MasterTop P 691
Composite (GRP / GFK)	MasterTop P 691
Sắt và thép	MasterTop P 681
Các kim loại màu (ví dụ nhôm, kẽm) ...	MasterTop P 684
Màng MasterSeal cũ	MasterTop P 691

Trong một số trường hợp, các loại lớp lót khác có thể phù hợp hơn. Để biết thêm chi tiết, xin vui lòng tham khảo thông tin từ văn phòng kinh doanh địa phương

(b) Pha trộn

MasterSeal M 860 được cung cấp trong các thùng được định lượng sẵn theo tỷ lệ chính xác. Trước khi trộn, đảm bảo nhiệt độ của thành phần A và B nằm trong khoảng 15 đến 25°C.

Đổ toàn bộ các phần của Thành phần A vào trong thùng chứa của Thành phần B. **KHÔNG TRỘN BẰNG TAY**. Trộn với một máy khoan cơ học và cánh trộn tốc độ thấp (khoảng 300 vòng / phút) trong ít nhất 3 phút. Cạo các mặt và đáy thùng chứa nhiều lần để đảm bảo trộn hoàn toàn. Giữ lưới trộn được chìm hoàn toàn trong hỗn hợp để tránh tạo bọt khí. **KHÔNG THÊM THÀNH PHẦN KHÁC MÀ KHÔNG CÓ TRONG THÙNG GỐC**. Sau khi pha trộn đúng cách để đạt hỗn hợp đồng nhất, đổ hỗn hợp trên vào trong hộp chứa sạch và trộn thêm một phút nữa.

(c) Thi công

MasterSeal M 860 được đổ lên bề mặt đã được chuẩn bị và trải bằng bay răng cưa hoặc bàn cào (bằng cao su hoặc thép). Thời gian bảo dưỡng của vật liệu chịu ảnh hưởng bởi nhiệt độ môi trường xung quanh, nhiệt độ của vật liệu và nền. Ở nhiệt độ thấp, các phản ứng hóa học được làm chậm lại, điều này kéo dài thời gian thi công, thời gian chờ và thời gian bảo dưỡng.

Nhiệt độ cao làm tăng tốc độ phản ứng hóa học do đó khung thời gian đã đề cập ở trên bị rút ngắn tương ứng. Để bảo dưỡng hoàn toàn, nhiệt độ của vật liệu, nền và nhiệt độ thi công không nên thấp hơn mức tối thiểu được đề nghị. Nhiệt độ của bề mặt nền tối thiểu phải cao hơn 3K so với điểm sương và duy trì nhiệt độ này trong ít nhất 6 giờ sau khi thi công (ở 15°C).

HÀM LƯỢNG TIÊU THỤ

Định mức tiêu thụ của **MasterSeal M 860** phụ thuộc từng ứng dụng. Đối với một lớp dày 1mm, định mức cần thiết là:

MasterSeal M 860 1.35 kg/m²

LỚP PHỦ BỀ MẶT

MasterSeal M 860 không hoàn toàn chống được tia cực tím và thời tiết, để sử dụng trong các ứng dụng tiếp xúc trực tiếp mà không được bảo vệ.

Lớp phủ bảo vệ được khuyến cáo là **MasterSeal TC 258**; hệ có thể được phủ với cát silica khô để tạo lớp phủ chống mài mòn, chống trơn trượt. Các lớp sơn phủ bảo vệ khác có thể phù hợp hơn cho từng ứng dụng cụ thể, hãy tham khảo phòng bán hàng địa phương để biết thêm chi tiết.

HOÀN THIỆN VÀ VỆ SINH

Các dụng cụ có thể tái sử dụng phải được vệ sinh sạch sẽ với **MasterTop THN 2**.

HẠN DÙNG

Lưu trữ trong thùng còn nguyên, trong môi trường khô thoáng và nhiệt độ từ 15-25°C. Không để tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng trời. Để tối ưu hóa thời gian lưu trữ trong những điều kiện trên, vui lòng kiểm tra thời hạn "tốt nhất trước..." trên nhãn.

MasterSeal® M 860

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Đặc tính	Kết quả
Thành phần hóa học	PU / PUA lai hóa
Tỷ lệ trộn	100 : 180 (A:B)
Tỷ trọng ở 20°C	1.35g/cm ³
Độ nhớt	5200mPas
Thời gian làm việc (bộ 30kg) ở 10°C ở 20°C ở 30°C	35 phút 25 phút 15 phút
Thời gian phủ lớp tiếp theo ở 10°C ở 20°C	(tối thiểu) 8 tiếng (tối đa) 2 ngày (tối thiểu) 5 tiếng (tối đa) 1 ngày
Bảo dưỡng hoàn thiện ở 10°C ở 20°C	5 ngày 4 ngày
Nhiệt độ bề mặt nền và môi trường xung quanh	(tối thiểu) 5°C (tối đa) 30°C
Độ ẩm tương đối cho phép	(tối đa) 80%

Thông số kỹ thuật sau khi bảo dưỡng *

Đặc tính	Tiêu chuẩn	Kết quả
Độ cứng Shore A sau 28 ngày		75
Độ bền chịu kéo	DIN 53504	15N/mm ²
Độ giãn dài	DIN 53504	700%
Độ bền chịu xé	DIN 53504	21N/mm ²

* Các số liệu trên chỉ nhằm mục đích hướng dẫn và không được sử dụng làm cơ sở cho các thông số kỹ thuật.

TIÊU CHUẨN ĐÓI CHIẾU

Sản phẩm này phù hợp hướng dẫn của EU 2004/42 / EG (hướng dẫn cho Deco-Paint) và chứa hàm lượng thấp hơn giới hạn VOC tối đa cho phép (Stage 2, 2010).

Theo hướng dẫn của EU 2004/42, hàm lượng VOC tối đa cho phép đối với loại sản phẩm IIA / j là 500g / l (Giới hạn: Stage 2, 2010). Hàm lượng VOC của MasterSeal M 860 <500g / l (cho sản phẩm đã sẵn sàng sử dụng)

XỬ LÝ, THẬN TRỌNG

Trong trạng thái đã đóng rắn, **MasterSeal M 860** không độc hại về sinh lý. Các biện pháp bảo vệ sau đây cần được thực hiện khi làm việc với vật liệu này:

Mang găng tay, kính bảo hộ và quần áo bảo hộ. Tránh tiếp xúc với da và mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, tìm sự chăm sóc y tế.

Tránh hít phải hơi. Cần đeo đồ bảo hộ hoặc các biện pháp bảo vệ hô hấp khi phun hoặc khi ở trong khu vực phun.

Khi làm việc ở những khu vực thông thoáng, nên đeo khẩu trang kết hợp giữa chống bụi và than hoạt tính (A-P2). Khi làm việc trong môi trường không thông thoáng và trong không gian hạn chế, công nhân phun và người hỗ trợ phải đeo mặt nạ dưỡng khí. Khi làm việc với sản phẩm, không ăn, hút thuốc hoặc làm việc gần ngọn lửa trần. Để biết thêm thông tin về các cảnh báo nguy hiểm, các quy định về vận chuyển và quản lý chất thải, vui lòng xem Tài liệu An toàn Vật liệu có liên quan. phải tuân thủ các quy định của hiệp hội thương mại địa phương và / hoặc các cơ quan có thẩm quyền về an toàn và vệ sinh của công nhân khi sử dụng vật liệu gốc polyurethane và isocyanates.

MasterSeal® M 860

NHÃN CE (EN 1204-2)

	
1119	
BASF Coatings GmbH Donnerschweer Str. 372, D-26123 Oldenburg	
10	
486001	
EN 1504-2: 2004	
Sản phẩm bảo vệ bề mặt - lớp phủ EN 1504-2: ZA.1d, ZA.1e, ZA.1f and ZA.1g	
Chống mài mòn	<3000mg
Khả năng thấm thấu CO ₂	Sd > 50
Khả năng thấm thấu hơi nước	Class III
Hấp thu qua mao mạch và thấm nước	< 0.1 kg/(m ² xh0,5)
Tương thích nhiệt sau chu kỳ đông kết/ tan rã	NPD
Kháng hóa chất ăn mòn cao	Giảm độ cứng < 50%
Khả năng che phủ vết nứt	A 4 (-20°C)
Chống va đập	NPD
Độ bám dính bằng phương pháp kiểm tra độ bền chịu kéo	>1.5N/mm ²
Phản ứng với lửa	C _{fl} – s1
Chống trơn trượt	NPD

NPD = Không có thông số được xác định
Thông số trên được xác định trong hệ thống xây dựng với **MasterSeal Balcony 1338**

NHÃN CE (EN 13813)

	
BASF Coatings GmbH Donnerschweer Str. 372, D-26123 Oldenburg	
10	
486001	
EN 13813: 2002	
EN 13813: SR-B1,5-AR1-IR4	
Nhựa tổng hợp được sử dụng trong nhà EN 13813: SR-B1,5-AR1-IR4	
Tính chất cơ bản	Xếp loại
Bất cháy	Efl
Giải phóng các chất ăn mòn	SR
Độ thấm nước	NPD
Kháng mài mòn	<AR 1
Độ bám dính	>B 1,5
Kháng va đập	>IR 4
Cách âm	NPD
Hấp thụ âm thanh	NPD
Cách nhiệt	NPD
Kháng hóa chất	NPD
Chống trơn trượt	R9, R10
Phát thải	Ü-Z: Z-156.605-685

NPD = Không có thông số được xác định
Thông số trên được xác định trong hệ thống xây dựng với **MasterSeal Balcony 1338**

® = Thương hiệu đã được đăng kí của tập đoàn BASF tại nhiều nước

BASF_CC-UAE/SL M860_02_16/v1/

TRÁCH NHIỆM

Các thông tin kỹ thuật và hướng dẫn thi công trong các tài liệu của **Hóa Chất Xây Dựng BASF** dựa trên cơ sở khoa học và kinh nghiệm thực tế. Do các thông tin ở đây chỉ nêu lên bản chất chung, không có giả thiết nào chung cho việc sử dụng và thi công riêng biệt của bất kỳ sản phẩm nào, nên người sử dụng cần phải kiểm tra mức độ thích hợp của sản phẩm theo từng trường hợp.

CHÚ Ý

Hóa Chất Xây Dựng BASF cung cấp sản phẩm và hướng dẫn kỹ thuật nhưng không bao gồm trách nhiệm giám sát. Nên sử dụng sản phẩm theo sự chỉ dẫn của **Hóa Chất Xây Dựng BASF**, tuy nhiên phải tuân thủ theo sự thay đổi, điều chỉnh của các chủ đầu tư, kỹ sư hoặc nhà thầu trong việc thi công vào từng môi trường ứng dụng thích hợp.

Công ty TNHH BASF VIỆT NAM

Văn phòng chính
12 Đại lộ Tự Do,
KCN Việt Nam – Singapore
Thuận An, Bình Dương.
Điện thoại: (0274) 374 3100
Fax: (0274) 3743 200

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
Trung tâm Thương Mại Sài Gòn, phòng 1101, tầng 11, 37 Tôn Đức Thắng, Q.1.
Điện thoại: (028) 3910 3905
Fax: (028) 3910 3898

Chi nhánh Tp. Hà Nội
Tòa nhà Charm Vit, phòng 11-12, tầng 10, 117 Trần Duy Hưng, Q. Cầu Giấy
Điện thoại: (024) 3974 3767
Fax: (024) 3974 3766

Nhà máy Bắc Giang
Lô CN-05-03, Đường RD7, KCN Vân Trung, Việt Yên, Bắc Giang
Điện thoại: (0204) 366 2371
Fax: (0204) 366 2373

Chi nhánh Tp. Đà Nẵng
Thành Quân Building, tầng 05, 132-136 Lê Đình Lý, Q. Thanh Khê
Điện thoại: (0236) 3652 069
Fax: (0236) 3652 138